|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC GIANG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  Số: /BC-SNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Giang, ngày tháng năm 2023* |

**Dự thảo**

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; để cụ thể hóa Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về việc Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chương trình bố trí sắp xếp dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện giai đoạn trước đã phát sinh một số vấn đề khó khăn, vướng mắc, bất cập. Do đó, việc xây dựng Nghị quyết Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 là cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với quy định của Nhà nước.

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤP CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Sắp xếp bố trí dân cư là một trong những mục tiêu nhiệm vụ của chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư. Giai đoạn 2013 – 2020, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện bố trí ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020cho 767 hộ (trong đó hình thức di dân tập trung 307 hộ, xen ghép 217 hộ, ổn định tại chỗ 243 hộ), Chương trình mang tính chất hỗ trợ, nhà nước và nhân dân cùng làm với mục tiêu ổn định cuộc sống cho người dân vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, khu rừng đặc dụng... phòng tránh nguy cơ thiên tai.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác sắp xếp, ổn định dân cư miền núi; tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn tồn tại, vướng mắc cần phải khắc phục; đồng thời cần có một định mức mới (cao hơn định mức cũ) để thực hiện trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể: Biến đổi khí hậu và diễn biến thiên tai trong những năm gần đây gây thiệt hại nghiêm trọng về người, cơ sở vật chất, tài sản; gây sạt lở núi, lũ ống lũ quét ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân và sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên nước, môi trường. Đặc biệt, tình hình bão lũ (lũ ống, lũ quét), sạt lở đất (nhất là sạt lở đất núi). Do đó, việc di dời, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn là giải pháp rất quan trọng để chủ động phòng ngừa, hạn chế những rủi ro do thiên tai gây ra.

Ngày 18/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 590/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Ngày 29/8/2022, Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 5668/BNN- KTHT về hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định 590/QĐ-TTg.

Tại Khoản d, điểm 7, Mục VI, Điều 1 của Quyết định 590/QĐ-TTg quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương.

Căn cứ Điều **30** Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều **27** Luât ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Điều **21** Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và khoản 3, Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết *“Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030”* là cần thiết làm cơ sở để triển khai thực hiện chương trình.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

***2.1. Mục tiêu chung***

Việc xây dựng chính sách với mục tiêu quy định định mức hỗ trợ cho các hộ gia đình bố trí săp xếp ổn định dân cư, trường hợp thiên tai khẩn cấp xảy ra sẽ có định mức để áp dụng thực hiện và tạo sự thống nhất trong chỉ đạo thực hiện từ tỉnh xuống huyện, xã. Ổn định và nâng cao đời sống người dân tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn; hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai... và ứng phó với biến đổi khí hậu; bố trí ổn định dân cư gắn với việc bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của người dân; thực hiện các giải pháp về đảm bảo quỹ đất ở, đất sản xuất, huy động nguồn vốn đầu tư, tổ chức phát triển sản xuất, đảm bảo thoát nghèo bền vững.

***2.2. Mục tiêu cụ thể***

(1) Xác định đúng và rõ phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng; nguyên tắc thực hiện, điều kiện hỗ trợ thực hiện Nghị quyết này;

(2) Quy định định mức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp, hỗ trợ cộng đồng, hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ máy móc, nông cụ cần thiết để ổn định sản xuất, triển khai thực hiện công tác bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của Nhà nước và thực tế.

(3) Bảo đảm sự phù hợp với các chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ trong việc thực hiện Chương trình bố trí dân cư.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Chính sách hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư**

***1.1. Xác định vấn đề bất cập***

Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các hộ di dân còn thấp (bình quân 20 triệu đồng/hộ); mức hỗ trợ thấp so với chi phí thực tế ở các địa phương, trong khi đối tượng của Chương trình phần lớn là hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa, không đủ điều kiện chuyển đến khu tái định cư làm chậm tiến độ di dân ở một số dự án bố trí dân cư.

Giai đoạn (2013-2020) thực hiện theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, các định mức hỗ trợ quy định cụ thể tuy nhiên giai đoạn (2021-2025) theo Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 không quy định cụ thể mức hỗ trợ mà giao cho tỉnh xây dựng và ban hành theo thẩm quyền. Do đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham khảo các chính sách của Trung ương và tình hình thực tế thực hiện qua các năm để đề xuất mức hỗ trợ phù hợp.

***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm giải quyết một số vấn đề còn tồn tại, bất cập của chương trình bố trí dân cư giai đoạn trước và phù hợp với tình hình thực tế để địa phương có cơ sở, định mức áp dụng, thực hiện.

Quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các hộ gia đình, cá nhân đảm bảo hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình có khả năng di dời nhà ở về khu tái định cư tập trung, xen ghép để ổn định đời sống, sản xuất.

***1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

*- Giải pháp 1.* Giữ nguyên như hiện nay

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại mục 1.1 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết.

***-*** *Giải pháp 2.* Ngân sách địa phương hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân là 30 triệu đồng/hộ, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung). Việc hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt hộ gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ.

***1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan***

*a) Tác động kinh tế*

\* Tác động tích cực:

Với định mức đưa ra tạo điều kiện hỗ trợ người dân khi di chuyển đến nơi tái định cư có điều kiện để làm nhà và ổn định cuộc sống. Phát huy lợi ích tối ưu, huy động nguồn lực hỗ trợ (cấp tỉnh, huyện, xã) đồng thời huy động nguồn xã hội hóa, người dân tránh tâm lý trông chờ, ỷ lại chính sách.

- Các định mức hỗ trợ của chính sách cơ bản áp dụng theo quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp lý liên quan. Ngân sách nhà nước tăng không đáng kể; hỗ trợ người dân có điều kiện làm nhà, ổn định cuộc sống nơi ở mới. Phát sinh chi phí từ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ có giá trị tích cực để thực hiện hiệu quả mục tiêu của chương trình (trước đây chủ yếu sử dụng ngân sách Trung ương nên còn hạn chế trong việc hỗ trợ).

\* Tác động tiêu cực: Không có

*b) Tác động đến cá nhân, tổ chức trong xã hội*

\* Tác động tích cực:

- Khuyến khích người dân chủ động thực hiện công tác ổn định đời sống tránh nguy cơ thiên tai .

- Nhu cầu hỗ trợ của người dân được đáp ứng ở mức độ phù hợp nhất với mong muốn của người dân thông qua việc quy định định mức hỗ trợ.

- Các tổ chức: Cơ quan nhà nước phát huy hiệu quả quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội khác phát huy hiệu quả trong huy động nguồn lực hỗ trợ cho các hộ dân khi tái định cư thuộc đối tượng quy định.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*c) Tác động về giới:* Không có

*d) Tác động về thủ tục hành chính*

\* Tác động tích cực:

Không tạo thêm thủ tục hành chính mới, thực hiện theo quy định của Trung ương.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*đ) Tác động đến hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

- Giải pháp này về cơ bản không ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay, không làm phát sinh thêm văn bản mới, bởi vì việc xây dựng quy định này khắc phục những bất cập hiện nay, tạo niềm tin và động lực cho người dân trong ổn định cuộc sống.

- Tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho các địa phương thực hiện.

\* Tác động tiêu cực: Không có.

***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

- Đề nghị lựa chọn giải pháp 2: “Xác định đúng phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng, nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ, nội dung và định mức hỗ trợ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân và đảm bảo đúng quy định của Nhà nước”.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Hội đồng nhân tỉnh.

**2. Chính sách 2: Chính sách hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép**

***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Chính sách hỗ trợ cộng đồng nơi nhận dân xen ghép còn thấp (bình quân 50 triệu đồng/hộ), nguồn vốn đầu tư vào chương trình còn quá ít, ngân sách địa phương còn chưa đầu tư hỗ trợ do giai đoạn trước sử dụng 100% nguồn vốn trung ương hỗ trợ, việc lồng ghép các chương trình, dự án để hỗ trợ cộng đồng nơi nhận dân xen ghép còn hạn chế.

Giai đoạn (2013-2020) thực hiện theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, các định mức hỗ trợ quy định cụ thể tuy nhiên giai đoạn (2021-2025) theo Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 không quy định cụ thể mức hỗ trợ mà giao cho tỉnh xây dựng và ban hành theo thẩm quyền. Do đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham khảo các chính sách của Trung ương và tình hình thực tế thực hiện qua các năm để đề xuất mức hỗ trợ phù hợp.

***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm giải quyết một số vấn đề còn tồn tại, bất cập của chương trình bố trí dân cư giai đoạn trước và phù hợp với tình hình thực tế để địa phương có cơ sở, định mức áp dụng, thực hiện.

Đảm bảo quyền lợi chung của các hộ dân tại địa bàn bố trí dân xen ghép và các hộ di chuyển tới địa bàn bố trí dân xen ghép. Đồng thời quy định mức hỗ trợ cụ thể cho địa bàn nơi nhận dân xen ghép để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất), xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng

***2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

*- Giải pháp 1.* Giữ nguyên như hiện nay

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại mục 2.1 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết.

***-*** *Giải pháp 2.* Ngân sách địa phương hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép (cấp xã) là 60 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân, để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất); Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng (các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại). Kinh phí hỗ trợ thông qua cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bố trí dân cư tại địa phương..

***2.4.*** ***Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan***

*a) Tác động kinh tế*

\* Tác động tích cực:

Với định mức đưa ra tạo điều kiện hỗ trợ cho cộng đồng nơi nhận dân xen ghép để phát huy lợi ích tối ưu, huy động nguồn lực hỗ trợ (cấp tỉnh, huyện, xã) đồng thời huy động nguồn xã hội hóa, tối đa hóa nguồn lực đầu tư hỗ trợ địa bàn, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng và phúc lợi công cộng, làm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Các định mức hỗ trợ của chính sách cơ bản áp dụng theo quy định của Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý liên quan. Ngân sách nhà nước tăng không đáng kể; địa bàn nơi nhận dân xen ghép có điều kiện nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu. Phát sinh chi phí từ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ có giá trị tích cực để thực hiện hiệu quả mục tiêu của chương trình (trước đây chủ yếu sử dụng ngân sách Trung ương nên còn hạn chế trong việc hỗ trợ).

\* Tác động tiêu cực: Không có

*b) Tác động đến cá nhân, tổ chức trong xã hội*

\* Tác động tích cực:

- Xây mới hoặc nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng nơi nhân dân xen ghép đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của nhân dân địa phương do sự tăng dân số cơ học từ việc bố trí di dân xen ghép.

- Khuyến khích cộng đồng dân cư sở tại tiếp nhận các hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn đến ở xen ghép tại khu dân cư hiện có an toàn về người và tài sản để ổn định đời sống, phát triển sản xuất, phòng tránh nguy cơ thiên tai.

- Các tổ chức: Cơ quan nhà nước phát huy hiệu quả quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội khác phát huy hiệu quả trong huy động nguồn lực hỗ trợ cho địa bàn nơi nhận dân xen ghép thuộc đối tượng quy định.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*c) Tác động về giới:* Không có

*d) Tác động về thủ tục hành chính*

\* Tác động tích cực:

Không tạo thêm thủ tục hành chính mới, thực hiện theo quy định của Trung ương.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*đ) Tác động đến hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

- Giải pháp này về cơ bản không ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay, không làm phát sinh thêm văn bản mới, bởi vì việc xây dựng quy định này khắc phục những bất cập hiện nay, tạo niềm tin và động lực cho người dân trong ổn định cuộc sống.

- Tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho các địa phương thực hiện.

\* Tác động tiêu cực: Không có.

***2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

- Đề nghị lựa chọn giải pháp 2: “Xác định đúng phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng, nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ, nội dung và định mức hỗ trợ, để hỗ trợ cộng đồng nơi nhận dân xen ghép và đảm bảo đúng quy định của Nhà nước”.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Hội đồng nhân tỉnh.

**3. Chính sách 3:** **Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư có người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất cho đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững để ổn định sản xuất**

***3.1*. *Xác định vấn đề bất cập***

Thôn Nguyệt Đức xã Vân Hà huyện Việt Yên hiện có 139 hộ gia đình, cá nhân (493 khẩu) nằm trong vùng đặc biệt khó khăn có 100% số dân sinh sống bằng nghề chài lưới, du cư trên sông nước, cuộc sống không ổn định, trẻ em không có điều kiện học hành. Do vậy khi bố trí ổn định dân cư cho các hộ gia đình, cá nhân nêu trên đến nơi ở mới sẽ không thể sinh sống bằng nghề chài lưới như trước mà phải chuyển đổi nghề nghiệp để ổn định đời sống.

Giai đoạn (2013-2020) thực hiện theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ quy định hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

***3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm giải quyết một số vấn đề còn tồn tại, bất cập của chương trình bố trí dân cư giai đoạn trước và phù hợp với tình hình thực tế để địa phương có cơ sở, định mức áp dụng, thực hiện.

Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư, đặc biệt với những hộ không có đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống.

***3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

*- Giải pháp 1.* Giữ nguyên như hiện nay

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại mục 3.1 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết.

***-*** *Giải pháp 2.* Xác định đúng phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng, nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ, nội dung và định mức hỗ trợ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân và đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, cụ thể:

+ Hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân để mua sắm nông cụ, máy móc, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác trong trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất được hỗ trợ 01 (một) lần chuyển đổi nghề.

+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

***3.4.*** ***Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan***

*a) Tác động kinh tế*

\* Tác động tích cực:

Với định mức đưa ra tạo điều kiện hỗ trợ cho người lao động được chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm mới góp phần ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Các định mức hỗ trợ của chính sách cơ bản áp dụng theo quy định của Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang và các văn bản pháp lý liên quan. Ngân sách nhà nước tăng không đáng kể; Phát sinh chi phí từ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ có giá trị tích cực để thực hiện hiệu quả mục tiêu của chương trình.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*b) Tác động đến cá nhân, tổ chức trong xã hội*

\* Tác động tích cực:

- Khuyến khích các hộ dân sống trong vùng đặc biệt khó khăn (thiếu đất, nước để sản xuất, du cư trên các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường) di chuyển đến nơi ở mới để ổn định cuộc sống lâu dài, trẻ em có điều kiện học hành, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản, các nguồn vốn, khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất.

- Các tổ chức: Cơ quan nhà nước phát huy hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*c) Tác động về giới:* Không có

*d) Tác động về thủ tục hành chính*

\* Tác động tích cực:

Không tạo thêm thủ tục hành chính mới, thực hiện theo quy định của Trung ương.

\* Tác động tiêu cực: Không có

*đ) Tác động đến hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

- Giải pháp này về cơ bản không ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay, không làm phát sinh thêm văn bản mới, bởi vì việc xây dựng quy định này khắc phục những bất cập hiện nay, tạo niềm tin và động lực cho người dân trong ổn định cuộc sống.

- Tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho các địa phương thực hiện.

\* Tác động tiêu cực: Không có.

***3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

- Đề nghị lựa chọn giải pháp 2: “Xác định đúng phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng, nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ, nội dung và định mức hỗ trợ, để hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân thuộc thôn Nguyệt Đức, xã Vân Hà huyện Việt Yên được hưởng các chính sách có lợi nhất để đảm bảo cuộc sống và đảm bảo đúng quy định của Nhà nước”.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Hội đồng nhân tỉnh.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện các bước xây dựng dự thảo Nghị quyết, tổ chức xin ý kiến các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố (văn bản số ........ /SNN-PTNT ngày /9/2023).

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, đã lấy ý kiến của Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành, đoàn thể, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng tải trên Công thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi.

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Sở, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu và giải trình đầy đủ ý kiến góp ý, hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động của chính sách để UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật**

Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thi hành chính sách; theo dõi việc hướng dẫn, tổ chức thi hành chính sách. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách vào kỳ họp cuối năm.

**2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật**

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh;  - Giám đốc;  - PGĐ Lê Bá Thành;  - Sở Tư pháp;  - Chi cục PTNT;  - Lưu VT. | **KT.GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Bá Thành** |